

Số: 175 /KH-GDDT

Nhà Bè, ngày 15 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH
Truyền thông Dân số đến năm 2030
của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè

Căn cứ Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn huyện Nhà Bè,

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020.

Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, chuyển đổi hành vi và ủng hộ tích cực của toàn xã hội trong việc giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội góp phần phát triển bền vững của huyện Nhà Bè nói riêng và cả Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

2. Yêu cầu

Các hoạt động thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 (gọi tắt là Kế hoạch Truyền thông) phải bám sát và phù hợp với điều kiện văn hóa - kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, cung cấp thông tin, phổ biến pháp luật, vận động, tư vấn, can thiệp, hỗ trợ,... nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển.

Các hoạt động truyền thông, cung cấp thông tin,... phải lồng ghép trong các hoạt động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội có liên quan để đảm bảo tính hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

II. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn huyện Nhà Bè.

2. Đối tượng:

- Cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Phụ huynh học sinh, học sinh các trường phổ thông trên địa bàn Huyện.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2030.

- Giai đoạn 2021 đến 2025:

+ Đổi mới toàn diện về nội dung, đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước.

+ Đẩy mạnh truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng từ Huyện đến cơ sở.

+ Đẩy mạnh truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

+ Tuyên truyền đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức;

+ Tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

+ Tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số.

+ Nội dung truyền thông giáo dục phải chuyển mạnh sang dân số và phát triển.

+ Tổ chức sơ kết đánh giá giai đoạn 2021 đến 2025.

- Giai đoạn 2026 đến 2030:

+ Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông dân số và đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

+ Tăng cường truyền thông, giáo dục và tư vấn nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành về dân số và phát triển, kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản cho các nhóm đối tượng.

+ Triển khai mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ các hoạt động truyền thông tại các cấp.

+ Phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội liên quan, huy động mọi tổ chức, cá nhân tích cực ủng hộ và tham gia các hoạt động truyền thông về dân số và phát triển.

+ Tổng kết 10 năm thực hiện Kế hoạch Truyền thông.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu 1

Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết, sự ủng hộ và tích cực thực hiện của mọi người dân, đặc biệt là các cặp vợ chồng, nam, nữ ở độ tuổi sinh đẻ trong cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, góp phần nỗ lực giải quyết tình trạng mức sinh thấp, hướng tới đạt được mức sinh thay thế.

Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025:

- **90%** các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai (hướng tới đạt **95%** vào năm 2030).

- **85%** các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ hiểu biết đầy đủ về lợi ích của cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con; hệ lụy của mức sinh thấp; đồng thuận sinh đủ hai con (hướng tới đạt **90%** vào năm 2030).

- **85%** các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ sẵn sàng thực hiện kế hoạch hóa gia đình; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai sau khi sinh đủ hai con (hướng tới đạt **90%** vào năm 2030).

2. Mục tiêu 2

Truyền thông nâng cao nhận thức của toàn xã hội về lợi ích của việc kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị và quyền bình đẳng của trẻ em gái và không thực hiện lựa chọn giới tính thai nhi.

Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025:

- **90%** các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh (hướng tới đạt **95%** vào năm 2030).

- **85%** các cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi (hướng tới đạt **90%** vào năm 2030).

- **95%** cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế cung cấp các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi (hướng tới đạt **100%** vào năm 2030).

- **95%** các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong Chương trình Giáo dục phổ thông (hướng tới đạt **100%** vào năm 2030).

- **95%** các cơ quan truyền thông đại chúng từ Thành phố đến cơ sở thường xuyên tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ, bình đẳng giới (hướng tới đạt **100%** vào năm 2030).

- **90%** vị thành niên/thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi (hướng tới đạt **95%** vào năm 2030); **85%** trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi (hướng tới đạt **90%** vào năm 2030).

3. Mục tiêu 3

Truyền thông nâng cao nhận thức, thái độ, kỹ năng thực hành của vị thành niên/thanh niên và đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/thanh niên nhằm giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này.

Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025:

- **95%** các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc tích hợp các nội dung này vào các môn học và hoạt động giáo dục trong Chương trình Giáo dục phổ thông (hướng tới đạt **100%** vào năm 2030).

- **85%** trẻ em vị thành niên/thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn (hướng tới đạt **90%** vào năm 2030).

- **80%** trẻ em vị thành niên/thanh niên hiểu và có kỹ năng thực hành về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như biết cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục, biết lựa chọn các biện pháp tránh thai phù hợp, hiểu được tác hại của việc phá thai, nắm được địa chỉ cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (hướng tới đạt **85%** vào năm 2030).

- **80%** cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (hướng tới đạt **85%** vào năm 2030).

4. Mục tiêu 4

Truyền thông nâng cao nhận thức, tạo môi trường đồng thuận và tích cực tham gia của toàn xã hội vào phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2025:

- **80%** người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ (hướng tới đạt **85%** vào năm 2030).

- **80%** người cao tuổi hiểu và áp dụng các kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp, chế độ

đinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, đi khám sức khỏe định kỳ (hướng tới đạt 85% vào năm 2030).

- 90% người dân hiểu được nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo lý truyền thống trong chăm sóc, giúp đỡ và phát huy vai trò người cao tuổi; nghĩa vụ, trách nhiệm quan tâm, phụng dưỡng người cao tuổi; hình thành nền tảng nhận thức xã hội và ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc chủ động tự lo cho tuổi già khi còn trẻ (hướng tới đạt 95% vào năm 2030).

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

Phối hợp với Phòng Y tế thực hiện có hiệu quả các hoạt động cụ thể sau:

1. Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển; bảo đảm về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung.

Định kỳ hàng năm chủ động cung cấp các tài liệu và sản phẩm truyền thông do Trung ương sản xuất như tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa nô, áp phích, bản tin chuyên đề, phóng sự, ký sự, các đoạn phim ngắn, video clip, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh,... về các nội dung dân số và phát triển.

Tham gia các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, hò vè, triển lãm ảnh,... về các nội dung mới của công tác dân số do Trung ương, Thành phố tổ chức.

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, bình đẳng giới trong chương trình giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

2. Đẩy mạnh truyền thông thay đổi hành vi về dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự, tin bài, sách, ảnh, sự kiện truyền thông; tập trung khai thác, phát triển và tận dụng tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác

Mở rộng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển qua internet, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, điện thoại di động và các phương tiện truyền thông tin khác; tăng cường truyền thông về dân số và phát triển trên các trang tin có nhiều người truy cập, các trang tin mà vị thành niên/thanh niên, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ưa thích và quan tâm.

Chuyển tải các nội dung, tài liệu truyền thông về dân số và phát triển từ bản in sang bản điện tử đưa lên mạng internet.

Tham gia các cuộc thi về dân số và phát triển trên mạng do Trung ương, Thành phố tổ chức.

Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, các chuyến đi thực tế cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông và thông tin cơ sở để cung cấp thông tin, định hướng nội dung truyền thông ưu tiên, nắm bắt tình hình thực hiện công tác dân số và phát triển tại địa phương.

3. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động truyền thông trực tiếp; phát huy vai trò đội ngũ y tế trường học nhằm hình thành và duy trì bền vững hành vi tích cực về dân số và phát triển của các tầng lớp nhân dân

Hàng năm tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành Dân số tại các cấp.

Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ nhân viên y tế trường học.

Định kỳ bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông, cập nhật thông tin về dân số và phát triển cho đội ngũ nhân viên y tế trường học trong các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý để tạo điều kiện thuận lợi cho họ thực hiện truyền thông, giáo dục và tư vấn có hiệu quả tại cộng đồng.

Tuyên truyền tạo phong trào cho mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp cán bộ, nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những đơn vị, cá nhân, gia đình điển hình.

Có chính sách ưu đãi đối với các nhân viên làm công tác này.

4. Mở rộng các hình thức truyền thông, giáo dục thân thiện với vị thành niên/thanh niên; đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc phổ biến kiến thức, kỹ năng về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới cho vị thành niên/thanh niên

Xây dựng và triển khai các mô hình giáo dục hiệu quả, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên như nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện tại các trường phổ thông cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục thân thiện bám sát, kịp thời theo sự phát triển của vị thành niên/thanh niên nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng thực hành về dân số và phát triển thân thiện với trẻ vị thành niên/thanh niên. Đề cao vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, kỹ năng sống cho vị thành niên/thanh niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, bình đẳng giới, không kết hôn muộn, không kết hôn cận huyết thống cho vị thành niên/thanh niên, người có uy tín cộng đồng và người thân trong gia đình.

Định kỳ hai năm một lần đào tạo lại, đào tạo nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm lý của vị thành niên/thanh niên.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên: Hàng năm biên soạn hoặc nhân bản các tài liệu truyền thông do Trung ương sản xuất như tờ rơi, sách mỏng...; tổ chức các chương trình truyền hình thực tế, các chương trình trò chơi, tọa đàm, giao lưu... trên sóng truyền hình hoặc trên mạng xã hội về các vấn đề liên quan đến dân số và phát triển dành cho vị thành niên/thanh niên.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè.

Phối hợp với Phòng Y tế đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về giới, giới tính, dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, bình đẳng giới trong chương trình giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Bồi dưỡng giáo dục trên địa bàn Huyện.

Báo cáo sơ kết đánh giá giai đoạn 2021-2025 trước ngày 24 tháng 10 năm 2025 và tổng kết 10 năm thực hiện trước ngày 24 tháng 10 năm 2030 thông qua Phòng Y tế để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Huyện; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Huyện.

2. Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Bồi dưỡng giáo dục Huyện

Căn cứ Kế hoạch này để xây dựng chi tiết Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè và triển khai thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị.

Báo cáo sơ kết đánh giá giai đoạn 2021-2025 trước ngày 17 tháng 10 năm 2025 và tổng kết 10 năm thực hiện trước ngày 17 tháng 10 năm 2030 thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Huyện; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

VI. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: Chi một phần cho các hoạt động tại địa phương theo nhu cầu cụ thể hàng năm của công tác truyền thông dân số và phát triển.

2. Ngân sách Thành phố, Huyện, xã: Chi cho các hoạt động truyền thông dân số và phát triển tùy theo nhu cầu, đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương.

3. Nguồn viện trợ và nguồn hợp pháp khác được sử dụng có hiệu quả theo đề xuất của nhà tài trợ và nhu cầu thực tế của công tác truyền thông dân số và phát triển của từng địa phương.

Ngoài nguồn kinh phí nêu trên, các đơn vị huy động thêm các nguồn kinh phí của đơn vị, địa phương, các tổ chức xã hội, các nhà tài trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động tại địa phương mình.

Trên đây là Kế hoạch Truyền thông Dân số đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị trường học thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo thông quan Bộ phận pháp chế - Bà Lê Thị Kim Ngân, email: bpphanpche.nhabe.tphcm@moet.edu.vn, điện thoại: 0937554645 để được hướng dẫn cụ thể. /

Nơi nhận:

- UBND Huyện “để báo cáo”;
- Các trường MN, TH, THCS; BDGD Huyện;
- Lưu: VT, PC.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Oanh